TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N, TỈNH N

Án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày 09 - 01 - 2019
V/v anh S xin ly hôn chị Nh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Chỉnh

2. Ông Đào Văn Rạng

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Trần Trọng Ích - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 09/01/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2018/TLST-HNGĐ ngày 18/6/2018. Về vụ án xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2018/QĐXXST-DS ngày 31/10/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16/11/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17/12/2018 giữa:

+ Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn S - Sinh năm 1973

Địa chỉ: Số 68 đường TX 24 khu phố 7, phường Th, quận 12, thành phố H

+ Bị đơn: Chị Trần Thị Nh - Sinh năm 1975

Địa chỉ: Xóm 6, xã N, huyện N, tỉnh N.

Tại phiên tòa vắng mặt anh S và chị Nh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện lập ngày 12/6/2018 cũng như lời khai của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn S trong quá trình giải quyết trình bày: Anh kết hôn với chị Trần Thị Nh vào tháng 12/1996 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N huyện N, tỉnh N. Sau khi kết hôn anh và chị Nh chung sống ở xã N được một thời gian rồi vào làm kinh tế tại tỉnh Bình Phước. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 1998,

nguyên nhân là do anh và chị Nh luôn bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra cãi chửi nhau. Đến năm 2000 anh và chị Nh về quê sinh sống nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện. Từ tháng 01/2001 chị Nh bỏ về ở nhà bố mẹ đẻ và anh lại đưa con vào tỉnh Bình Phước làm ăn, đến năm 2016 anh về cư trú và làm ăn tại quận 12 thành phố Hồ Chí Minh. Từ năm 2001 đến nay anh và chị Nh đã sống ly thân nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Nh không còn nên anh xin được ly hôn chị Nh. Về con chung giữa anh và chị Nh có hai con chung là Nguyễn Thị Nh sinh ngày 05/12/1998 và Nguyễn Văn S sinh ngày 20/6/1997, hiện các cháu đều đã trưởng thành tự lập được nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung giữa anh và chị Nh thì anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Do điều kiện công việc bận anh không tham gia phiên tòa được nên anh đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là chị Trần Thị Nh vắng mặt nhưng có đơn của chị Nh và lời khai của ông Nguyễn Văn N là bố đẻ chị Nh trình bày đúng như lời khai của anh Nguyễn Văn S về việc kết hôn và sống chung giữa chị và anh S. Sau khi kết hôn một thời gian thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do anh S và gia đình anh S đối xử với chị rất tệ bạc và nhiều lần anh S đánh đuổi chị đi. Gia đình chị khuyên giải nhưng vợ chồng chị chung sống được thời gian ngắn thì anh S lại đánh đuổi chị nên chị về nhà bố mẹ đẻ chị ở xã N. Đã nhiều năm nay chị và anh S sống ly thân nhau. Nay anh S có đơn xin ly hôn chị thì chị và gia đình chị yêu cầu nếu anh S thanh toán cho chị một trăm triệu đồng thì chị sẽ đồng ý thuận tình ly hôn, còn nếu không thì chị không nhất trí ly hôn anh S vì gia đình chị là gia đình công giáo. Về con chung giữa chị và anh S có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Nh sinh ngày 05/12/1998 và cháu Nguyễn Văn S sinh ngày 20/6/1997, hiện các cháu đã trưởng thành tự lập được nên chị không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung thì chị không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về tố tụng, qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm Phán thụ lý, giải quyết cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: xử ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Svà chị Trần Thị Nh; về án phí dân sự sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên anh S phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Nh đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm 6 xã N, huyện N, tỉnh N và anh Nguyễn Văn S đăng ký hộ khẩu tại Số 68 đường TX 24 khu phố 7, phường Th, quận 12, thành phố H Anh S có đơn xin ly hôn chị Nh và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn Svà chị Trần Thị Nh vắng mặt, nhưng anh S có đơn xin xét xử vắng mặt và chị Nh đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai; vì vậy Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng xét xử vắng mặt anh S và chị Nh là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Svà chị Trần Thị Nh được tổ chức kết hôn vào tháng 12/1996, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và hợp pháp. Sau khi kết hôn thời gian ngắn, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S và chị Nh đã phát sinh, nguyên nhân do hai bên không hợp tính nhau, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát, đánh chửi nhau. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa anh S và chị Nh không được cải thiện. Từ năm 2001 đến nay anh S và chị Nh đã sống ly thân nhau. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S và chị Nh đã kéo dài và ngày một trầm trong, hôn nhân đã tan vỡ, nay anh S xin ly hôn chị Nh nên chấp nhận là phù hợp. Xét việc chị Nh cùng gia đình chị ra điều kiện yêu cầu anh S phải thanh toán cho chị Nh một trăm triệu đồng thì chị Nh mới nhất trí thuận tình ly hôn và do chị là gia đình công giáo nên chị không nhất trí ly hôn. Thấy yêu cầu của chị Nh cũng như việc chị Nh xin đoàn tụ là không có cơ sở nên yêu cầu của chị Nh không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn Svà chị Trần Thị Nh có hai con chung là Nguyễn Thị Nh sinh ngày 05/12/1998 và cháu Nguyễn Văn S sinh ngày 20/6/1997 hiện các cháu đều đã trưởng thành tự lập được và anh S, chị Nh không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết về con chung.

[4] Về tài sản: Anh Nguyễn Văn Svà chị Trần Thị Nh không có đơn yêu cầu giải quyết về tài sản nên không đặt ra xem giải quyết về tài sản.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm anh Nguyễn Văn S phải nộp theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147; 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Xử ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Svà chị Trần Thị Nh.

2- Án phí dân sự sơ thẩm anh Nguyễn Văn S phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh Nguyễn Văn S đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: BB/2012/006227 ngày 18/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Anh Nguyễn Văn S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt anh S và chị Nh. Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKSND H N;
- Chi cục THADS H N;
- UBND xã N;
- Lưu án văn.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Văn Rạng **Lê Văn Chỉnh** **Trần Xuân Dũng**